

Quan điểm của Alvin Toffler về tri thức của người lao động và hàm ý cho Việt Nam

Dương Thị Hương¹, Ngô Thị Tân Hương²

^{1,2} Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên.
Email: huongnguyenthai26@gmail.com

Nhận ngày 19 tháng 10 năm 2020. Chấp nhận đăng ngày 01 tháng 02 năm 2021.

Tóm tắt: Alvin Toffler (1928-2016) là nhà tương lai học người Mỹ, ông đã đưa ra nhiều dự báo về tương lai ở cấp độ toàn cầu. Một trong những dự báo của ông là bàn về người lao động trong nền kinh tế sáng tạo của Làn sóng thứ ba. Theo Alvin Toffler, thể mạnh của người lao động ở thế kỷ XXI không phải là sức khỏe, sức mạnh của cơ bắp mà là trí tuệ, là năng lực sáng tạo của con người, năng lực thích nghi với điều kiện, hoàn cảnh mới. Trên cơ sở nghiên cứu quan niệm của Alvin Toffler về người lao động trong nền kinh tế sáng tạo của Làn sóng thứ ba, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu mới ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Alvin Toffler, tri thức của người lao động, Làn sóng thứ ba.

Phân loại ngành: Triết học

Abstract: Alvin Toffler (1928-2016) was an American futurist who made many predictions about the future on a global level, one of which was about workers in the Third Wave's creative economy. He deemed that the strength of the twenty-first century workers is not that of the muscles, but their intelligence, creativity and ability to adapt to new conditions and circumstances. Based on A. Toffler's views on workers in the Third Wave's creative economy, the author proposes a number of solutions to develop human resources to meet the new requirements in Vietnam today.

Keywords: Alvin Toffler, workers' knowledge, Third Wave.

Subject classification: Philosophy

1. Mở đầu

Những tư tưởng của A. Toffler được thể hiện rải rác trong nhiều tác phẩm khác

nhau, nhưng tập trung nhất là trong bộ ba tác phẩm chủ đạo: *Cú sốc tương lai*, *Làn sóng thứ ba* và *Thăng trầm quyền lực*. Tư tưởng của ông được phát triển dần dần cùng

với sự nghiên cứu lịch sử phát triển khoa học - công nghệ của thế giới. Đặc biệt là ông dựa vào tình hình kinh tế - xã hội, hoạt động kinh doanh, khoa học - công nghệ đầy sôi động, của nước Mỹ để đưa ra những đánh giá, dự báo tương lai. A. Toffler đã khẳng định: để tạo ra nhiều của cải vật chất đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội ở thế kỷ XXI, các quốc gia cần có sự đầu tư phát triển nguồn lao động chất lượng cao, đó là những người lao động có tri thức, có năng lực sáng tạo. Bởi chỉ những con người, dân tộc, quốc gia có đầy đủ tri thức của thời đại mới có nhiều cơ hội giàu có và chiến thắng. Bài viết làm rõ nội dung tư tưởng của A. Toffler về vai trò tri thức của người lao động được thể hiện trong các tác phẩm: *Làn sóng thứ ba* và *Thăng trầm quyền lực*. Từ sự nhận thức những giá trị to lớn của tư tưởng đó đối với tương lai nhân loại, đặc biệt là trong bối cảnh của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, bài viết chỉ ra ý nghĩa tư tưởng A. Toffler về tri thức của người lao động trong phát triển nguồn nhân lực ở Việt Nam hiện nay.

2. Quan điểm của A. Toffler về tri thức của người lao động

Từ thế kỷ XIX, C. Mác đã có những dự báo về vai trò của tri thức khoa học đối với người lao động nói riêng và đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất nói chung. Ông khẳng định: “Theo đà phát triển của thời đại công nghiệp, việc tạo ra của cải thực tế trở nên ít phụ thuộc vào thời gian lao động và vào số lượng lao động đã chi phí hơn là vào sức mạnh của những tác nhân được khơi động trong thời gian lao động... mà đúng ra,

chúng phụ thuộc vào trình độ chung của khoa học và vào sự tiến bộ của kỹ thuật, hay phụ thuộc vào việc ứng dụng khoa học ấy vào sản xuất” [4, tr.368-369]. Cho nên, người công nhân “thay vì làm tác nhân chủ yếu của quá trình sản xuất, người công nhân lại đứng bên cạnh quá trình ấy” [4, tr.370]. Nói như vậy, C. Mác đã chỉ cho chúng ta thấy, xã hội càng phát triển thì vai trò của tri thức, trí tuệ, khoa học ngày càng cao. Đặc biệt, khi tri thức trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp thì “phát minh trở thành một nghề đặc biệt, và đối với nghề đó thì việc vận dụng khoa học vào nền sản xuất trực tiếp tự nó trở thành một trong những yếu tố có tính chất quyết định và kích thích” [4, tr.367]. Từ chỗ là quá trình lao động giản đơn, chủ yếu sử dụng cơ bắp và sức lao động, thì khi nền công nghiệp đạt tới trình độ phát triển cao, quá trình sản xuất sẽ trở thành một quá trình khoa học, chủ yếu sử dụng tri thức, trí tuệ của người lao động.

Vào những thập kỷ cuối của thế kỷ XX, nền kinh tế của nhân loại đã phát triển vượt bậc nhờ rất nhiều phát minh khoa học và A. Toffler gọi đây là thời đại của nền kinh tế tri thức hay Làn sóng thứ ba. Ở thời đại của nền kinh tế tri thức, những thành tựu quan trọng của tri thức khoa học trong cuộc cách mạng công nghiệp hiện đại tác động cơ bản đến sự biến đổi về chất của lực lượng sản xuất, điều này đã tạo ra những cơ sở khoa học cho A. Toffler có những đánh giá chính xác hơn về vai trò của tri thức đối với sự phát triển kinh tế của nhân loại, đặc biệt là tư tưởng vai trò của tri thức đối với người lao động trong nền kinh tế sáng tạo của Làn sóng thứ ba.

Thứ nhất, theo A. Toffler, người lao động của nền kinh tế trong Làn sóng thứ ba

là những công nhân giỏi, có khối lượng tri thức lớn và toàn diện. A. Toffler khẳng định: “Con đường quyền lực và phát triển kinh tế của thế kỷ XXI không còn là con đường khai phát từ nguyên liệu và gân cốt của con người. Mà như chúng ta đã thấy là phải vận dụng con đường Tâm Trí mà thôi” [6, tr.316]. Trong nền kinh tế của Làn sóng thứ ba, người lao động cần có tri thức, có năng lực sáng tạo, có kỹ năng và khả năng thích nghi với một nền kinh tế sáng tạo và năng động.

Trong lịch sử, kể từ sau khi thời đại công nghiệp bắt đầu phát triển, các nhà tư bản đã theo đuổi, tìm kiếm nhân công giá rẻ. Đặc biệt, sau khi chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, việc săn lùng nguồn lao động giá rẻ ở nước ngoài đã trở thành một phong trào. Nhiều nước đang phát triển đánh cuộc toàn bộ tiền đồ kinh tế của họ với lao động giá rẻ. Họ cho rằng, bán lao động giá rẻ sẽ có thể tiến đến sự nghiệp hiện đại hóa. Tuy nhiên, việc này cũng chỉ đạt tới giới hạn của nó. Bởi trong hệ thống sáng tạo, của cải mới xuất hiện, thì giá thành lao động chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ trong tổng giá thành phẩm. Trong một số ngành công nghiệp ngày nay, chi phí về lao động chỉ chiếm 10% của toàn bộ sản xuất. Tổng sản lượng thành phẩm chỉ chiếm 10% chi phí mà tiết giảm đi 1% thì thành phẩm đã bị hạ thấp 1/1000. Trong các doanh nghiệp, các yếu tố: khoa học kỹ thuật tiên bộ, lưu thông thông tin mau lẹ, giảm thấp lượng tồn kho, giảm bớt cơ cấu tổ chức sẽ tiết giảm giá thành rất nhiều so với tiết kiệm trích từ tiền công lao động. Đó là lý do vì sao một xí nghiệp tiên tiến ở Nhật và Mỹ chỉ dùng số ít nhân viên có trình độ giáo dục cao và được trả lương cao vẫn có lợi hơn

so với cơ sở kinh doanh kém, phần lớn nhân viên có trình độ giáo dục kém cùng đồng lương thấp.

A. Toffler khẳng định, người lao động của nền kinh tế trong Làn sóng thứ ba là những công nhân giỏi: “Công nhân giỏi là người của thế giới, mau lẹ với những ý niệm và hình thái mới, nắm vững những nhu cầu của khách hàng, những biến đổi chính trị, kinh tế, biết được mọi áp lực cạnh tranh, biến đổi văn hóa và có khả năng quản lý mọi mặt” [7, tr.346]. Đặc biệt, người lao động trong Làn sóng thứ ba là những người công nhân biết dựa trên vốn tri thức năng động, sáng tạo và chủ động trong quá trình sản xuất với những ý tưởng và sáng kiến mới, thích nghi nhanh với nền kinh tế có gia tốc sáng tạo nhanh. Công việc của công nhân trong Làn sóng thứ ba là “công việc trí óc”. Cho nên, theo “phân quang phổ công tác trí óc” thì công việc thuần túy thủ công sẽ dần dần bị mất [6, tr.138]. Công việc của người lao động trong nền kinh tế của Làn sóng thứ ba là lĩnh hội, tiếp nhận và xử lý thông tin một cách chủ động, trách nhiệm cao, ở một trình độ trừu tượng và hình thành những tri thức mới, nhằm đóng góp tri thức mới cho sự phát triển của công ty. A. Toffler đã khẳng định: “công việc trí óc ngày càng quan trọng” [6, tr.150]. Ngày nay, rất khó phân biệt hệ thống thiết bị khoa học, các phòng thí nghiệm với hệ thống máy móc của dây chuyền sản xuất và các xí nghiệp sản xuất công nghệ cao. Thậm chí, các máy móc khoa học tối tân nhất cũng được đưa ngay vào ứng dụng thực tế gần như ở dạng nguyên mẫu. Khoảng thời gian tạo ra sản phẩm ở phòng thí nghiệm đến khi sản phẩm đem ra thị trường được rút ngắn chưa từng thấy. Doanh nghiệp, trường đại học và viện

nguyên cứu tích hợp với nhau ngày càng chặt chẽ. Do đó, người lao động không có trí tuệ sẽ không đáp ứng được công việc sản xuất ngày càng cao ở thế kỷ XXI.

Thứ hai, người lao động trong Làn sóng thứ ba là những người công nhân biết dựa trên vốn tri thức năng động, sáng tạo và chủ động trong quá trình sản xuất. Công nhân trong Làn sóng thứ ba cần có trình độ tri thức, có sáng kiến, kiến nghị mới và thỉnh cầu, kiến nghị của họ ngày càng được tham gia vào việc chế định quy tắc trong hoạt động của công ty. A. Toffler cho rằng, “mệnh lệnh sáng kiến” là một trong những chìa khóa cơ bản cho mỗi xí nghiệp phát triển [7, tr.111]. Theo ông: “Hiện nay, sự chiếm hữu thị trường luôn luôn có thể bị uy hiếp, tuổi thọ của các sản phẩm cũng có hạn. Không phải chỉ trong địa hạt điện toán và may mặc mà còn bao quát cả từ chính sách bảo hiểm đến y dược, phục vụ du lịch... luôn luôn phải cạnh tranh gian khổ trong việc theo lợi nhuận. Để cho xí nghiệp tồn tại, phải liên tục sáng tạo ra sản phẩm mới, nếu không sẽ rơi vào tình trạng suy vi hay tiêu tàn” [7, tr.111]. Năng lực sáng tạo được coi là then chốt, sáng kiến, kiến nghị mới của người lao động, đồng thời đây được coi là nhân tố chìa khóa để phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh của các công ty.

Thứ ba, trong nền kinh tế Làn sóng thứ ba, lượng tri thức người lao động đóng góp cho sự phát triển của công ty, trở thành cơ sở để đánh giá năng lực, trả lương và thưởng. Bởi bản chất của nền kinh tế trong Làn sóng thứ ba là “Hệ thống sáng tạo của cải mới tất phải trải qua việc tăng thêm tri thức thông minh có tính cách đặc thù trong hệ thống mới, nâng cao được giá trị hệ

thống làm ra của cải... việc đánh giá thành tích của cá nhân và đơn vị có thể được hạch toán với sự đóng góp của họ vào việc làm giàu tri thức... Trong tương lai, khi vốn tri thức được công nhận là quan trọng hơn tất cả mọi thứ, việc thù lao cho nhân viên rất có thể gây ảnh hưởng, ít nhất một phần, do sự thành công của mỗi cá nhân trong việc bổ sung vốn tri thức của công ty” [6, tr.285]. Người lao động trong quá trình sản xuất là yếu tố quyết định. Họ chính là người quyết định tới năng suất lao động trong nền kinh tế tri thức. Các yếu tố của tư liệu sản xuất đều hữu hạn và thường bị hao mòn theo thời gian. Còn người lao động với quá trình tái sinh về mặt sinh học có khả năng tự đổi mới, tự nâng cao trình độ, tay nghề, tự học hỏi, bồi dưỡng, không ngừng trau dồi tri thức để có thể đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của quá trình sản xuất. Do vậy, năng lực sáng tạo của người lao động là chìa khóa để nâng cao năng suất lao động trong nền kinh tế sáng tạo.

Thứ tư, theo A. Toffler, người lao động trong nền kinh tế Làn sóng thứ ba phải là người có đạo đức. Đạo đức của người lao động được đánh giá qua tinh thần tự lực, khả năng thích nghi trong những điều kiện khó khăn và khả năng tự làm việc với chính bàn tay của mình. Có thể hiểu, đạo đức của người lao động trong Làn sóng thứ ba là người tự chủ được bản thân, có trách nhiệm với công ty, doanh nghiệp mình đang làm và luôn có ý thức nâng cao vị thế, nâng cao năng lực của công ty để thích nghi với điều kiện mới. A. Toffler chỉ rõ: “Đạo đức thị trường xếp loại con người theo của cải họ có, đạo đức tiêu sản sẽ đánh giá con người căn cứ theo những gì con người làm được. Có nhiều tiền bạc vẫn

còn được coi trọng, song những đặc tính khác cũng được xem trọng. Những đặc tính này có thể là tinh thần tự lực, khả năng thích nghi và tồn tại trong những điều kiện khó khăn và khả năng tự làm việc với chính bàn tay của mình” [5, tr.316-317]. Trong nền kinh tế sáng tạo, mỗi khâu, mỗi giai đoạn của quá trình sản xuất đều được gắn kết với nhau. Thậm chí, các trung tâm nghiên cứu, các nhà máy sản xuất và các nhà quản lý có sự tích hợp, gắn bó với nhau một cách chặt chẽ nên người lao động cần có ý thức tổ chức kỷ luật lao động và sản xuất một cách có trách nhiệm, có đạo đức.

Trong tác phẩm *Làn sóng thứ ba*, A. Toffler cũng đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao trình độ người lao động, cụ thể:

Một là, theo A. Toffler, để nâng cao trí tuệ của người lao động, cần có môi trường dân chủ nhằm gia tăng khả năng sáng tạo cho người lao động. Ông cho rằng, người lao động có môi trường dân chủ, tự do sẽ có những sáng kiến nhiều hơn so với những người lao động bị áp chế, bị cai quản trong chế độ thống trị độc tài. Bởi vì, “khi anh thấy có người theo dõi việc làm của anh, thì anh không còn sáng tạo được gì cả” [7, tr.111].

Đặc trưng quan trọng nhất của trí thức là lao động sáng tạo và đây cũng là tài sản quý giá nhất của mỗi quốc gia và nhân loại, sức mạnh nội sinh tạo nên sự phồn vinh của đất nước. Ngày nay, thế giới đánh giá sức mạnh của mỗi quốc gia chủ yếu là vốn tài chính và vốn tri thức. Xã hội loài người càng phát triển thì vị trí, vai trò của trí thức ngày càng tăng, đòi hỏi phải tạo ra nhiều tri thức mới (tiên bộ, hữu ích), sản phẩm phong phú, đa dạng... đáp ứng yêu cầu phát triển của đất

nước. Vì vậy, nước nào có vốn tri thức giàu có, biết phát huy lao động sáng tạo của trí thức, thì nước đó sẽ phát triển nhanh, bền vững trong hiện tại và tương lai. Việc thúc đẩy lao động sáng tạo của trí thức là xu thế của thời đại, là một chiến lược phát triển của các quốc gia. Để phát huy được lao động sáng tạo của trí thức thì phụ thuộc vào nhiều yếu tố, nhưng trong đó dân chủ là yếu tố cơ bản, trực tiếp tác động tới lao động sáng tạo của trí thức. Lao động của trí thức thực sự phát huy hết khả năng sáng tạo của mình khi có môi trường, thời gian, chế độ, không khí làm việc tự do, dân chủ, công bằng, bình đẳng và được tạo mọi điều kiện vật chất, tinh thần. Chỉ có dân chủ và môi trường làm việc dân chủ, công bằng mới đảm bảo sự phát triển khả năng sáng tạo và cống hiến của đội ngũ trí thức. A. Toffler cho rằng: “Chính phủ nào càng bóp nghẹt sự tự do lưu thông tư liệu, thông tin và tri thức, thì quốc gia ấy càng chậm tiến vào mô hình kinh tế mới” [7, tr.391].

Hai là, đổi mới giáo dục, đào tạo nhằm xây dựng nguồn nhân lực trí tuệ cao, đáp ứng nhu cầu lao động cao trong nền kinh tế Làn sóng thứ ba. Bởi chỉ thông qua giáo dục, người lao động mới có tri thức, năng lực sáng tạo, tăng khả năng thích nghi cũng như những phẩm chất đạo đức đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế sáng tạo - kinh tế tri thức. Sở dĩ giáo dục và đào tạo có vai trò quan trọng đối với phát triển nguồn nhân lực là vì, đối tượng hướng đến của giáo dục là con người và mục tiêu của nó là trang bị những năng lực cần thiết cho con người tham gia vào đời sống xã hội. Giáo dục tác động vào chính con người với tư cách là chủ thể của hoạt động xã hội, nhằm biến đổi

chủ thể đó thành con người có nhân cách, tăng sức mạnh thể chất và tinh thần của con người, tăng khả năng tham gia vào các hoạt động xã hội của con người. Giáo dục và đào tạo góp phần nâng cao trình độ văn hóa, trình độ học vấn, trình độ khoa học - kỹ thuật, xử lý công nghệ, tổ chức quản lý và năng lực hoạt động thực tiễn của người lao động, ảnh hưởng đến thể lực, trí lực, đức dục của con người. Như vậy, giáo dục tái sản xuất ra năng lực hoạt động của con người, thúc đẩy xã hội phát triển. Ngoài ra, A. Toffler còn cho rằng, để giáo dục trong nền kinh tế sáng tạo mang lại hiệu quả cao, các nhà trường cần loại bỏ phương pháp giáo dục đào tạo nguồn nhân lực của Làn sóng thứ hai, cần đổi mới giáo dục trong đó, giáo dục tăng cường việc gia tăng tri thức, trang bị kỹ năng tự học cho người lao động. A. Toffler cho rằng, “giáo dục cần dịch chuyển vào tương lai”, nhằm trang bị tri thức, kỹ năng thích nghi cho các chủ thể xã hội đối phó với một xã hội thay đổi không ngừng [8, tr.284]. Bởi “trong hệ thống công nghiệp của ngày mai - nhanh, linh hoạt và tự điều chỉnh - máy móc sẽ xử lý dòng tin tức và sự vật. Máy móc sẽ thực hiện những công việc hàng ngày, con người sẽ thực hiện những công việc tri thức và sáng tạo” [8, tr.267]. Nền giáo dục trong tương lai cần dạy cho người học năng lực hấp thụ thông tin, tri thức, năng lực xử lý thông tin, hình thành tri thức mới, đưa ra các quyết định chính xác và phù hợp với những thay đổi trong hoạt động thực tiễn.

Ba là, người lao động cần có tinh thần tự học, tự đào tạo chủ động tiếp cận tri thức nhằm gia tăng tri thức, tăng khả năng sáng tạo và thích nghi với gia tốc nền kinh tế của Làn sóng thứ ba. A. Toffler đề cao tinh thần

học tập không ngừng của người lao động, bởi vì khoa học kỹ thuật ngày nay vô cùng phức tạp và tiến bộ quá mau so với trước kia, công nhân đều phải học tập kỹ thuật từ đầu đến cuối. Trong khi khoa học kỹ thuật tiên tiến lan truyền rộng rãi, mà kỹ thuật trong công ty còn thấp kém, công nhân không được học tập chu đáo tất nhiên sẽ đi đến bị đào thải. Trong môi trường công nghệ phát triển, A. Toffler nêu cao tinh thần tự học trên tất cả các phương tiện thông tin. A. Toffler chỉ ra rằng: “Trình độ tri thức rộng lớn ấy không thể nào chỉ dựa vào học hỏi ở nhà trường hay những sách kỹ thuật bổ túc, mà phải trông chờ vào nguồn thông tin đại chúng, tức những gì trình bày trên truyền hình, báo chí, đài phát thanh, thậm chí cả đến những mục giải trí, tiêu khiển. Vì các loại tiết mục ngày nay, đều có bao hàm các phương thức sinh hoạt, mối quan hệ giao tế, các vấn đề xã hội cho đến những khách hàng nước ngoài và thị trường tri thức” [7, tr.346].

A. Toffler đề cao người lao động có tri thức, không ngừng học tập gia tăng tri thức, đặc biệt còn biết vận dụng tri thức để sáng tạo, thích ứng với những điều kiện thực tiễn trong sản xuất. Họ hoàn toàn chủ động, sáng tạo trong hoạt động sản xuất. Trong nền kinh tế của Làn sóng thứ ba, phẩm chất đạo đức quan trọng nhất của người lao động là tinh thần tự lực, có khả năng làm việc tự chủ và khả năng thích nghi với mọi sự biến đổi của những điều kiện hoàn cảnh của nền kinh tế. Người lao động có tri thức trở nên có giá trị, được tôn trọng hơn.

Tuy nhiên, trong quan điểm về vai trò tri thức đối với người lao động, A. Toffler đã tuyệt đối hóa vai trò của tri thức. Từ chỗ tuyệt đối hoá vai trò của trí tuệ, tri thức của

người lao động, ông đã đi đến sai lầm khi tôn vinh tri thức là cội nguồn quyền lực của người công nhân trong thế kỷ XXI. A. Toffler viết: “Lý luận mác-xít cho rằng, “nắm được công cụ sản xuất” thì mới nắm được quyền hành. Vào thời công nghiệp ông khởi và trong thế kỷ trung cổ, Mác nhận định rằng, công nhân nếu không giành lấy công cụ sản xuất từ tay tư bản thì sẽ đời đời không có chỗ đứng cho mình. Ngày nay, công cụ sản xuất mà người công nhân nắm được để làm chủ lấy mình không giống như thứ công cụ bỏ trong thùng hay như công cụ của xí nghiệp trong thời công nghiệp ông khởi. Nó là thứ vật dụng nằm trong đầu óc của người công nhân, vật dụng ấy là công cụ của xã hội tương lai, là nguồn chủ yếu sáng tạo ra của cải và quyền lực. Nó là tri thức” [7, tr.17]. Hướng tiếp cận của A. Toffler thiên về nhấn mạnh vai trò quyết định của tri thức đối với người lao động mà chưa bàn đến những tác động của các nhân tố của chính trị, thời đại, đặc thù về văn hóa, dân tộc... Trong xã hội còn tồn tại giai cấp đối kháng thì phần lớn trí tuệ, tri thức của người lao động phụ thuộc vào chính trị, phục vụ chính trị, là công cụ bảo vệ quyền lợi chính trị và kinh tế của giai cấp thống trị. Trí tuệ, tri thức của người lao động chỉ có vai trò to lớn đối với sự phát triển của xã hội với tư cách là một nguồn tài nguyên, động lực, sức mạnh khi nó phải được sử dụng với mục đích nhân văn, vì con người, nâng cao chất lượng cuộc sống của con người và vì sự tiến bộ của xã hội. Do vậy, quan điểm của A. Toffler về vai trò tri thức chưa hoàn toàn đầy đủ, chặt chẽ, toàn diện và chưa thể vượt qua quan điểm của chủ nghĩa Mác. Đóng góp của A. Toffler chính là việc ông khẳng định vai trò

quan trọng của tri thức đối với người lao động và dự báo sự phát triển theo chiều sâu của lực lượng sản xuất với vai trò tiên phong của tri thức khoa học, công nghệ. Quan điểm này của A. Toffler đã phá vỡ những quan niệm và chuẩn mực cũ, tạo dựng một hệ chuẩn mới và chuẩn mực này từ đặc thù trở thành phổ biến và mang tính tất yếu chi phối sự phát triển của các quốc gia trong thế kỷ XXI.

3. Hàm ý cho Việt Nam

Trong việc xây dựng chiến lược đổi mới đất nước gắn sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa với nền kinh tế tri thức, Nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam xác định, cạnh tranh thủ cơ hội thuận lợi do bối cảnh quốc tế, tạo ra và tiềm năng, lợi thế của Việt Nam để rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa gắn với phát triển kinh tế tri thức, coi kinh tế tri thức là yếu tố quan trọng của nền kinh tế và công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Để đáp ứng yêu cầu phát triển nền kinh tế tri thức, Việt Nam cần phát triển nguồn nhân lực có trình độ tri thức cao, có năng lực đổi mới, sáng tạo, kỹ năng thích nghi, vận dụng sáng tạo tri thức, linh hoạt trong các kỹ năng, đáp ứng yêu cầu của quá trình lao động sản xuất. Tuy nhiên, chất lượng nguồn nhân lực ở nước ta hiện nay chưa đáp ứng được nhu cầu của nền kinh tế, giáo dục - đào tạo của Việt Nam chưa tạo ra những sản phẩm giáo dục có trình độ tri thức với khả năng đổi mới sáng tạo và năng lực thích nghi cao. Do đó, Văn kiện Đại hội XII nhận định: “Giáo dục và đào tạo chưa thực sự trở thành quốc sách hàng đầu, thành động

lực phát triển. Chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo còn thấp so với yêu cầu, nhất là giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp. Hệ thống giáo dục và đào tạo thiếu tính liên thông giữa các trình độ và giữa các phương thức giáo dục, đào tạo; còn nặng lý thuyết, nhẹ thực hành. Đào tạo thiếu tính gắn kết với nghiên cứu khoa học, sản xuất, kinh doanh và nhu cầu của thị trường lao động; chưa chú trọng đúng mức việc giáo dục đạo đức, lối sống và kỹ năng làm việc” [2, tr.113-114]. Tính đến quý 4 năm 2017, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có bằng/chứng chỉ chiếm 21,8% lực lượng lao động. Trong tổng số lực lượng lao động, tỷ lệ lao động có trình độ đại học trở lên là 9,74%; cao đẳng là 3,44%, trung cấp là 5,23% và sơ cấp nghề là 3,39% [1, tr.2]. Tuy nhiên, tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm rất lớn, quý 4 năm 2017 là 1.071,2 nghìn người (2,19%). Trong khi các doanh nghiệp “khát” nguồn nhân lực có trình độ cao, song tỷ lệ thất nghiệp ở nhóm có trình độ đại học là 215,3 nghìn người, tỷ lệ thất nghiệp của nhóm này là 4,12%. Nhóm trình độ “cao đẳng” có 78,8 nghìn người bị thất nghiệp, tỷ lệ thất nghiệp của nhóm này là 4,32%. Nhóm trình độ “trung cấp” có 64,6 nghìn người bị thất nghiệp, tỷ lệ thất nghiệp là 4,49% [1, tr.4-5]. Như vậy, ở nước ta nguồn nhân lực được đào tạo ở trình độ cao về tri thức chuyên môn và kỹ thuật bị thất nghiệp vẫn chiếm tỷ lệ rất lớn.

Trong điều kiện hiện nay, dưới tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 ở Việt Nam, cơ hội việc làm của người lao động có nguy cơ giảm mạnh: “Diễn đàn Kinh tế thế giới dự báo trong giai đoạn 2015-2020 có khoảng 5,1 triệu người trên thế giới mất việc làm. Báo cáo mới nhất của Tổ chức Lao

động quốc tế (ILO) cho thấy, trong vòng hai thập kỷ tới, khoảng 56% người lao động Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam có nguy cơ mất việc vào tay rôbot” [3, tr.231]. Do vậy, yêu cầu nâng cao tri thức trong phát triển nguồn nhân lực ở Việt Nam hiện nay là một tất yếu khách quan.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến người lao động Việt Nam chưa đáp ứng nhu cầu phát triển, song một trong những nguyên nhân chủ yếu là do: năng lực thích nghi của người lao động còn hạn chế so với yêu cầu của doanh nghiệp, khả năng tiếp nhận, ứng dụng và sáng tạo tri thức của người lao động còn thấp. Nguồn nhân lực Việt Nam còn yếu và thiếu các kỹ năng thích nghi, chưa làm chủ được tri thức, chưa linh hoạt, chủ động và sáng tạo trong ứng dụng tri thức vào hoạt động thực tiễn để đáp ứng yêu cầu của kinh tế - xã hội; khả năng linh hoạt, năng động, sáng tạo trong công việc còn hạn chế; còn thiếu sự nhạy bén trong tư duy, sự thích nghi và làm chủ kỹ thuật - công nghệ hiện đại. Thực trạng này đặt ra yêu cầu cần đổi mới giáo dục và đào tạo, trong đó đặc biệt coi trọng giáo dục đại học. Giáo dục đại học cần tích hợp hai chức năng: khoa học với vai trò là “nhà sản xuất tri thức” và “nhà sản xuất năng lực”; giáo dục đại học hướng vào cung cấp tri thức và phát triển năng lực thích nghi cho người học.

Tổng kết thực tiễn hơn 30 năm đổi mới ở Việt Nam cho thấy, “nền kinh tế vẫn chủ yếu phát triển theo chiều rộng, tăng trưởng kinh tế còn phụ thuộc nhiều vào các yếu tố về vốn, tài nguyên, lao động trình độ thấp, chưa dựa vào tri thức, khoa học và công nghệ, lao động có kỹ năng” [2, tr.84]. Như vậy, chất lượng nguồn nhân lực là một trong những chìa khóa quan trọng nâng cao sức

cạnh tranh của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Nghị quyết Hội nghị Trung ương khóa XII của Đảng Cộng sản Việt Nam nhấn mạnh nhiệm vụ trọng tâm: “Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, tranh thủ những cơ hội và thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư” [9, tr.54]. Do đó, Việt Nam cần có những giải pháp thiết thực, hiệu quả, đầu tư có chiều sâu vào phát triển nguồn nhân lực, nâng cao tri thức, trí lực của người lao động thông qua đổi mới giáo dục và đào tạo. Đại hội XII của Đảng khẳng định vai trò cần thiết lấy tri thức khoa học, công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao làm động lực chủ yếu để Việt Nam thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới đất nước. Mô hình công nghiệp hóa trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế gắn với phát triển kinh tế tri thức là “lấy khoa học, công nghệ, tri thức và nguồn nhân lực chất lượng cao làm động lực chủ yếu” [10, tr.90]. Để tạo động lực quan trọng cho sự phát triển của đất nước trong giai đoạn hiện nay, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, Việt Nam cần chú trọng nâng cao tri thức, trí lực nguồn nhân lực chất lượng cao thông qua: đào tạo, sử dụng, đãi ngộ và tạo môi trường dân chủ rộng rãi...Trên cơ sở nghiên cứu những quan điểm của A. Toffler về tri thức của người lao động, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế, phát triển nền kinh tế tri thức.

Một là, Đảng và Nhà nước cần đổi mới và hoàn thiện cơ chế quản lý, nhằm tạo

môi trường dân chủ, lành mạnh, tạo ra môi trường thuận lợi cho sự phát triển năng lực tư duy và sáng tạo của nguồn nhân lực, khai phóng trí lực của nguồn nhân lực. Môi trường được coi là nhân tố kích thích năng lực sáng tạo của người lao động hiệu quả. “Môi trường làm việc tồi” là nguyên nhân hàng đầu dẫn đến sự thui chột năng lực sáng tạo ở người lao động. Do vậy, Việt Nam cần xây dựng một môi trường làm việc dân chủ, thân thiện, hợp tác tin cậy, làm cơ sở để khởi nguồn, nuôi dưỡng, thúc đẩy đổi mới, sáng tạo của nguồn nhân lực. Để xây dựng môi trường dân chủ, kích thích sáng tạo, Việt Nam cần nhanh chóng xây dựng và hoàn thiện Chính phủ kiến tạo, nhằm tạo ra các cơ chế, chính sách quản lý mang tính dân chủ, mang tính định hướng phát triển, tạo môi trường, cơ hội và các điều kiện cho các chủ thể lao động, các thành phần kinh tế phát huy mọi tiềm năng sáng tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập của nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Hai là, Việt Nam cần có chiến lược phát triển dựa vào tri thức thông qua đẩy mạnh giáo dục và đào tạo, phải hướng vào phát triển năng lực trí tuệ của người học, hình thành và phát triển các kỹ năng và năng lực thích nghi với mọi điều kiện môi trường thực tiễn. Để đáp ứng yêu cầu khách quan về chất lượng nguồn nhân lực, giáo dục và đào tạo Việt Nam cần thực hiện một số nội dung sau: (1) Thực hiện nền giáo dục sáng tạo, khai phóng trí lực của người dạy và người học, giáo dục theo hướng coi trọng tri thức phát triển năng lực tư duy sáng tạo, tăng khả năng ứng dụng

hiệu quả tri thức trong hoạt động thực tiễn, và hình thành năng lực thích nghi cao ở người học với mọi sự thay đổi của điều kiện kinh tế - xã hội. Mục tiêu cơ bản của giáo dục là phát triển trí lực của người học. Giáo dục hướng tới sáng tạo tri thức mới, phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng thích nghi và ý thức tự học, tự đào tạo, không ngừng tích lũy, gia tăng tri thức, có khả năng làm chủ tri thức và không ngừng sáng tạo nhằm thích nghi với những điều kiện biến đổi nhanh của kinh tế tri thức và cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Đổi mới chương trình theo hướng tinh giản, hiện đại, thiết thực và phù hợp với điều kiện thực tiễn. Tăng cường kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng thực hành, năng lực tự học, cập nhật các tri thức khoa học và công nghệ hiện đại trên thế giới, nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ. Giáo dục tạo gắn kết với nghiên cứu khoa học và có sự tham gia của các doanh nghiệp, có tính liên thông linh hoạt giữa các bậc học, phát triển hệ thống giáo dục suốt đời và xây dựng xã hội học tập. Giảng viên cần sử dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, phát huy tính chủ động, sáng tạo và năng lực tư duy của người học, trang bị các phương pháp tiếp cận, thu nhận và kỹ năng xử lý thông tin và tri thức, nhằm hình thành, bồi dưỡng và phát triển năng lực giải quyết vấn đề, tạo nếp tư duy độc lập, sáng tạo, chủ động của người học; (2) Trong nội dung giáo dục và đào tạo, cần chú ý đến việc giáo dục văn hóa lao động công nghiệp, ý thức tiết kiệm, tinh thần lao động, trách nhiệm công dân và lương tâm nghề nghiệp, ý thức dân tộc. Đổi mới phương pháp giáo dục

theo hướng biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo, nhằm kích thích, phát huy tính chủ động, tích cực, thúc đẩy sự phát triển trí tuệ và khai thác khả năng sáng tạo của người học, giúp họ hình thành năng lực và phương pháp tư duy khoa học. Hiệu quả của giáo dục không chỉ được tính bằng lượng kiến thức đã truyền đạt, mà còn được tính bằng sự phát triển của năng lực sáng tạo, phương pháp tư duy khoa học, khả năng thích nghi và khả năng biến tri thức thành kỹ năng của người lao động; (3) Xây dựng đội ngũ giảng viên đại học đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế tri thức. Nhà nước cần có chính sách trọng dụng nhân tài trong ngành giáo dục - đào tạo, tạo ra những điều kiện về cơ sở vật chất, đãi ngộ xứng đáng với đội ngũ nhà khoa học trong ngành giáo dục, đào tạo. Việt Nam cần phải tạo ra một đội ngũ giảng viên thực hiện tốt vai trò của giáo dục trong phát triển trí lực, đáp ứng yêu cầu sáng tạo của nền kinh tế tri thức và cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay.

Ba là, phát huy tính tích cực, chủ động, nỗ lực của cá nhân với tinh thần tự học, chuyển biến quá trình đào tạo thành tự đào tạo, không ngừng học tập gia tăng tri thức, tăng khả năng sáng tạo, năng lực thích nghi với mọi biến đổi của kinh tế tri thức toàn cầu. Trong xu thế của nền kinh tế tri thức toàn cầu, nỗ lực học tập trở thành phương tiện mưu sinh, tri thức trở thành của cải và thể hiện giá trị, sáng tạo trở thành nguồn phát triển tiến bộ của cá nhân cũng như là cơ sở nâng cao năng lực cạnh tranh của các thành phần kinh tế và năng lực cạnh tranh của các quốc gia.

Bốn là, cần xây dựng môi trường làm việc dân chủ, khuyến khích những ý tưởng sáng tạo, những sáng kiến cá nhân có giá trị thực tiễn trong sản xuất - kinh doanh, phát triển khoa học và công nghệ... Bởi bản chất của nền kinh tế tri thức là nền kinh tế của sức sáng tạo, luôn cần đến những sáng kiến mới, những ý tưởng độc đáo. Trong nền kinh tế tri thức sáng tạo, cần phát huy những ý tưởng sáng tạo mới, cần phải dung nạp sự tự do tư tưởng, mở rộng ý kiến và tôn trọng những ý kiến phản biện... Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách kích thích năng lực sáng tạo của xã hội, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển trí lực của nguồn nhân lực.

4. Kết luận

Tư tưởng của A. Toffler về vai trò tri thức là sự khẳng định vai trò quan trọng của tri thức trong sự phát triển của lực lượng sản xuất, là minh chứng khẳng định luận điểm khoa học của C. Mác: Tri thức khoa học đã và đang trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, khẳng định động lực phát triển của các quốc gia trên thế giới là xây dựng nền kinh tế tri thức. Tư tưởng A. Toffler về vai trò tri thức có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển nguồn trí lực ở Việt Nam trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị và phát huy các giá trị văn hóa, xây dựng chủ thể xã hội vừa hồng vừa chuyên, có năng lực thích nghi đáp ứng yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện

đại hóa, gắn với phát triển kinh tế tri thức trong xu thế toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và bối cảnh của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội - Tổng cục Thống kê (2018), *Bản tin Cập nhật thị trường lao động Việt Nam*, số 16.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [3] Trần Thị Vân Hoa (2018), *Cách mạng công nghiệp 4.0 vấn đề đặt ra cho phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [4] C. Mác và Ph. Ăng-ghen toàn tập, t.46, Nxb Chính trị quốc gia, 2004, Hà Nội.
- [5] Alvin Toffler (2002) *Làn sóng thứ ba*, Nguyễn Văn Trung (dịch), Nxb Thanh niên, Hà Nội.
- [6] Alvin Toffler (2002) *Thăng trầm quyền lực*, t.1, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
- [7] Alvin Toffler (2002) *Thăng trầm quyền lực*, t.2, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
- [8] Alvin Toffler (2002), *Cú sốc tương lai*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
- [9] Văn phòng Trung ương Đảng (2017), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Hà Nội.
- [10] Văn phòng Trung ương Đảng (2016), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Hà Nội.